

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BT

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-01-2024.

V/v: *Tranh chấp ly hôn*
và con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Hưng Quang**

2. Ông **Phạm Văn Minh**

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-12-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 11-01-2024, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bạch Thị H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: khu phố Hải Tân 1, TT Phan Rí Cửa, TP, BT.

- Bị đơn: **Trương Ngọc Ch**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: khu phố Hải Tân 1, TT Phan Rí Cửa, TP, BT.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn Bạch Thị H trình bày: bà Hồng và ông Trương Ngọc Ch tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2004, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 371, ngày 30-10-2009. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2021 tình cảm vợ chồng nhạt dần, không còn tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà Hồng và ông Chính

từng cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng không thực hiện được. Đến tháng 10 năm 2022 bà Hồng và ông Chính tự chấm dứt sống chung, không còn ai quan tâm đến ai. Do hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Hồng yêu cầu ly hôn với ông Chính. Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trương Bạch Tuyết Xuân (sinh năm 2005, đã trưởng thành) và Trương Ngọc Khang, sinh ngày 25-5-2007 đang do bà Hồng nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Chính phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, bà Hồng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn- ông Trương Ngọc Ch, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Chính từ chối không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung chưa trưởng thành cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, ông Chính không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Bạch Thị H có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa bà với ông Trương Ngọc Ch - có nơi thường trú tại khu phố Hải Tân 01, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu ông Chính đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông Chính không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Trương Ngọc Ch đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Bạch Thị H và ông Trương Ngọc Ch tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện

TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 371/2009, ngày 30-10-2009 nên hôn nhân giữa bà Hồng và ông Chính là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Chính đến giải quyết nhưng ông Chính không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Chính không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Hồng và ông Chính không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng.

[3] Về con chung: con chung Trương Ngọc Khang, sinh ngày 25-5-2007, đang do bà Hồng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Chính không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử sẽ giao con chung cho bà Hồng tiếp tục nuôi. Bà Hồng không có yêu cầu ông Chính phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông Chính.

[4] Tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Bạch Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bạch Thị H đối với ông Trương Ngọc Ch. Giấy chứng nhận kết hôn số 371/2009, ngày 30-10-2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Ngọc Khang, sinh ngày 25-5-2007 cho bà Bạch Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Ngọc Ch không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Bạch Thị H không yêu cầu. Ông Trương Ngọc Ch được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: bà Bạch Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020181, ngày 14-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

4. Quyền kháng cáo: bà Bạch Thị H và ông Trương Ngọc Ch có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND BT;
- VKSND TP;
- THADS huyện TP;
- Nguyên đơn;bị đơn;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền